TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2018/DS-PT
Ngày: 15 - 11 - 2018
V/v tranh chấp phường, hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huyền.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Đăng Phồn.

2. Bà Thái Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018 về "Tranh chấp phường, hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 95/2018/QĐPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; nơi cư trú: Xóm M, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953; nơi cư trú: Xóm M, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1964; nơi cư trú: Xóm M, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3.2. Chị Lê Thị S, sinh năm 1980; nơi cư trú: Xóm M, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị Hồng Tr, sinh năm 1950; nơi cư trú: Xóm M, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3.4. Chị Trần Thị Hồng L, sinh năm 1987; nơi cư trú: Xóm M, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Chị Nguyễn Thị Ngọc H; nơi cư trú: khối 8, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4.2. Bà Hoàng Thị N; nơi cư trú: khối 5, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4.3. Bà Hà Thị Th, nơi cư trú: xóm M, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4.4. Bà Dương Thị P, xóm M, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: tháng 11 năm 2012, bà H tham gia một số dây phường do bà Nguyễn Thị T làm chủ phường; việc tham gia phường trên tinh thần tự nguyện, mục đích tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển kinh tế gia đình. Phường do bà T tổ chức là phường có lãi, người tham gia phường mua phường bằng hình thức bỏ phiếu kín, ai mua cao người đó bắt được phường; chủ phường được trích 1% hoa hồng để ghi chép sổ sách, thu tiền phường từ các thành viên và giao tiền phường cho thành viên mua được phường. Đến ngày 12 tháng 7 năm 2013, bà T tuyên bố dừng phường. Bà H tham gia 04 dây phường, cụ thể:

- 01 dây phường, nộp tiền phường mỗi tháng 03 lần, vào ngày 07, 17, 27 hàng tháng; loại 500.000 đồng; có 30 suất tham gia; nộp tiền lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2012, lần cuối ngày 07 tháng 7 năm 2013. Bà H tham gia 02 suất, đã nộp 19 lần số tiền 23.000.000 đồng.

- 03 dây phường, nộp tiền phường mỗi tháng 03 lần, vào ngày 05, 15, 25 hàng tháng. Dây 1 loại 1.000.000 đồng, dây 2 loại 500.000 đồng, mỗi dây có 33 suất tham gia. Mỗi dây phường bà H tham gia 02 suất và đã nộp 19; nộp tiền lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2013, lần cuối ngày 05 tháng 7 năm 2013. Bà H đã nộp dây 1 số tiền 38.000.000 đồng, dây 2 số tiền 19.000.000 đồng. Dây 3 loại 2.000.000 đồng, bà H tham gia 01 suất, đã nộp 13 lần số tiền 26.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H đã nhận 02 lần phường. Tuy nhiên, sau khi trừ số tiền lãi bà H được nhận từ việc các con phường mua trúng phường, số tiền bà H đã nhận tiền phường; số tiền phường thực tế bà H đã nộp và chưa được nhận lại tại bà Nguyễn Thị T là 42.073.000 đồng. Bà H yêu cầu bà T phải trả lại cho bà H số tiền 42.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi suất.

Bà Nguyễn Thị H không đồng ý với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết N, chị Lê Thị S, chị Trần Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Hồng Tr, bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu trách nhiệm trả tiền phường cho bà H. Vì, theo bà H, khi tham gia phường do bà T làm chủ phường, bà H chỉ nộp tiền cho bà T và nhận tiền phường tại bà T, bà H không biết những người đó có tham gia phường tại bà T hay không. Sau khi dừng phường, bà H đã có giấy chốt nợ tiền phường với bà T chứ không chốt nợ với người nào khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho bà H số tiền phường gốc 41.558.000 đồng.

Lời khai trong quá trình xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T thống nhất như ý kiến của bà Nguyễn Thị H về thời gian, hình thức chơi phường, thời gian dừng phường, số dây phường bà H tham gia. Tuy nhiên, quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà T trình bày giữa bà T và bà H chưa có giấy chốt nợ nào. Số tiền thực tế bà H đã nộp tiền phường của 04 dây phường là 66.723.000 đồng, trong đó bà H đã nhận 02 lần

phường của dây phường ngày 07, 17, 27 hàng tháng, loại 500.000 đồng với tổng số tiền là 25.165.000.000 đồng (không bao gồm số tiền bà H nộp của 02 lần nhận phường), số tiền bà H đã nộp nhưng chưa được nhận lại là 41.558.000 đồng. Có sự chênh lệch số liệu giữa lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm là do trong quá trình tính toán, bà T cộng sai. Lý do bà T không trả tiền phường cho bà H là vì những thành viên tham gia phường không nộp tiền đầy đủ tiền phường cho bà T. Còn những lần các thành viên nộp tiền phường thì bà T đã giao đầy đủ tiền phường cho thành viên mua được phường. Nay, bà H yêu cầu bà T phải trả lại cho bà H số tiền phường 41.558.000 đồng thì bà T không đồng ý. Bà T đề nghị Tòa án đưa các thành viên đã nhận phường nhưng không tiếp tục nộp tiền phường vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm bà Nguyễn Thị Tuyết N, chị Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Hồng Tr, chị Trần Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Kim D để có trách nhiệm trả nợ cho bà H.

Tại các lời khai, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Tuyết N, chị Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Hồng Tr, chị Trần Thị Hồng L đều thừa nhận: họ đã tham gia chơi phường do bà Nguyễn Thị T làm chủ phường; thời gian, hình thức chơi phường, quyền và nghĩa vụ của chủ phường đúng như bà T, bà Nguyễn Thị H trình bày. Quá trình chơi phường, bà N, bà Tr, chị S, chị L trực tiếp nộp tiền phường cho bà T, nhận tiền phường cũng từ bà T, họ chỉ biết một số thành viên tham gia trong dây phường, còn một số thành viên khác họ không biết. Ngoài các thỏa thuận như bà T, bà H đã trình bày, các thành viên tham gia phường không có thỏa thuận gì thêm. Nay, bà T yêu cầu bà N, bà Tr, chị S, chị L phải chịu trách nhiệm trả tiền phường cho các thành viên tham gia phường khác (trong đó có bà Nguyễn Thị H) thì bà N, bà Tr, chị S, chị L không đồng ý, họ đề nghị khi nào có tiền họ sẽ trả trực tiếp cho bà T.

Bà Nguyễn Thị Kim D không có mặt tại địa phương nên Tòa án không thể lấy lời khai của bà D được.

Tại các lời khai, những người làm chứng chị Nguyễn Thị Ngọc H, bà Hoàng Thị N, bà Hà Thị Th, bà Dương Thị P đều thừa nhận: thời gian, hình thức chơi phường, quyền và nghĩa vụ của chủ phường đúng như bà Nguyễn Thị T, bà

Nguyễn Thị H trình bày. Ngoài các thỏa thuận được ghi trong các sổ phường, các thành viên tham gia phường không có thỏa thuận gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 122, 389, 401, 426 và 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 14, 26 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 357, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H khoản tiền nợ phường gốc 42.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chiu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30 tháng 7 năm 2018 bà Nguyễn Thị T làm đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án, đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị Tuyết N, chị Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Hồng Tr, chị Trần Thị Hồng L, bà Đặng Thị Kim D vào tham gia tố tụng và buộc họ phải trả nợ tiền phường cho bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà

Nguyễn Thị T; sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị T nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đảm bảo đúng các quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng tất cả đều vắng mặt. Theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. [2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị T xác định từ tháng 11 năm 2012 đến tháng 7 năm 2013, bà H (HC) tham gia 04 dây phường do bà T là chủ phường; số tiền phường thực tế bà H đã nộp là 66.723.000 đồng, số tiền bà H đã nhận là 25.165.000.000 đồng, số tiền bà H đã nộp nhưng chưa được nhận lại là 41.558.000 đồng. Bà H yêu cầu bà T phải trả lại cho bà H số tiền phường là 41.558.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi suất. Bà T không đồng ý trả lại tiền phường cho bà H.

Hội đồng xét xử thấy: Theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các thông tin phản ánh tại các sổ phường thì có cơ sở khẳng định: phường do bà Nguyễn Thị T làm chủ phường là phường có lãi, người tham gia phường mua phường bằng hình thức bỏ phiếu kín, ai mua cao người đó bắt được phường; chủ phường được trích 1% hoa hồng để ghi chép sổ sách, thu tiền phường từ các thành viên và giao tiền phường cho thành viên mua được phường. Các thỏa thuận đó đã được cụ thể hóa trong các biên bản họp tổ phường tại các sổ phường. Sau khi nhận tiền phường từ các thành

viên, bà T đã giao tiền đầy đủ cho thành viên mua được phường và khi nhận tiền họ đều phải ký nhận tiền vào sổ phường của bà T. Việc bà H chưa được nhận lại số tiền phường mà bà H đã nộp là do một số thành viên tham gia trong các dây phường đã nhận tiền phường nhưng không nộp tiếp tiền phường đầy đủ khi đến kỳ mở phường. Vì vậy, các dây phường đó phải dừng lại trước thời hạn.

Như vậy, 04 dây phường bà Nguyễn Thị H tham gia không có thỏa thuận về nghĩa vụ của chủ phường là nếu đến kỳ mở phường mà có thành viên không góp phần phường, chủ phường phải chịu trách nhiệm nộp thay phần phường đó. Giữa bà Huệ và bà Nguyễn Thị T cũng không có giấy chốt nợ về việc bà T nợ tiền phường bà H mà chỉ có giấy xác nhận của bà T về việc số tiền thực tế bà H đã nộp tại các dây phường. Đối với nội dung tại các Phiếu kê khai thiệt hại khi tham gia chơi hụi từ ngày 09 tháng 6 năm 2014 đến ngày 18 tháng 6 năm 2014 giữa bà T với bà Nguyễn Thị Hồng Tr, chị Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Tuyết N, chị Trần Thị Hồng L, bà Đặng Thị Kim D tại Công an huyện N, tỉnh Nghệ An chỉ phản ánh bà Tr, chị S, bà N, chị L, bà D đang nợ tiền phường tại bà T và bà T đề nghị họ phải có trách nhiệm nộp cho bà T để bà T trả lại cho các thành viên tham gia phường.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 15, Điều 27 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 quy định về nghĩa vụ của chủ họ: "nộp thay phần họ của thành viên trong trường hợp có thỏa thuận nếu đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ". Do vậy, bà Nguyễn Thị T không có nghĩa vụ phải nộp thay phần phường của các thành viên khác không nộp tiền phường.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng, chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

[3] Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị T yêu cầu đưa bà Nguyễn Thị Tuyết N, Chị Lê Thị S, chị Trần Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Hồng Tr, bà Đặng Thị Kim D vào tham gia trong vụ án để buộc những người này có trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị H thấy rằng: Yêu cầu này của bà T là có căn cứ. Vì, bà Tr, bà D, bà N, chị L, chị S là các thành viên tham gia các dây phường cùng với bà H. Họ là những người đã mua trúng phường nhiều lần, bà H đã nộp tiền phường tại

những lần họ nhận phường nhưng sau đó họ không nộp tiền đầy đủ theo thỏa thuận. Tuy nhiên, ngoài bà Tr, bà D, bà N, chị L, chị S còn có một số thành viên khác cũng mua trúng phường nhưng sau đó không nộp tiền phường đầy đủ theo thỏa thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 quy định về trách nhiệm của thành viên do không góp họ: "Trong trường hợp thành viên không góp phần họ khi đến kỳ mở họ thì thành viên đó phải thanh toán phần họ còn thiếu tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho đến thời điểm kết thúc họ …". Vì vậy, các thành viên tham gia các dây phường cùng bà H đã nhận tiền phường của bà H nộp nhưng chưa trả lại tiền phường cho bà H thì họ phải có trách nhiệm trả lại tiền phường cho bà H. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các thành viên tham gia phường phải trả lại tiền phường cho bà H; mặt khác Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết nội dung này nên cấp phúc thẩm không thể xem xét. Do đó, bà H có quyền khởi kiện các thành viên tham gia phường thành vụ kiện dân sự khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm nên cần sửa án phí sơ thẩm cho phù hợp.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của bà H không được chấp nhận là 2.077.900 đồng.

Kháng cáo của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 4 Điều 15 và Điều 20 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 3 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H về việc buộc bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho bà H số tiền nợ phường gốc 41.558.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.077.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003358 ngày 15 tháng 3 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nghệ An. Trả lại cho bà H 22.100 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS H. Nam Đàn;
- TAND huyện Nam Đàn;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Huyền